TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST Ngày 11 - 6 - 2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung chưa thành niên	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huyền.

2. Ông Trần Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung chưa thành niên theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Hữu B**, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D với anh Lưu Hữu B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh

Hòa Bình ngày 25/9/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống. Anh Bình thường hay uống rượu, gây sự, ghen tuông vô cớ với chị D. Mặc dù, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có gì thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị D và anh B đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay. Giữa chị D và anh B không còn có sự quan tâm, chăm sóc đối với nhau. Thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị D và anh B có với nhau ba con chung là Lưu Hữu P, sinh ngày 03/6/2004, Lưu Thị Huyền C, sinh ngày 20/10/2007 và Lưu Thị Ngọc H, sinh ngày 02/10/2019. Khi ly hôn, chị D nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chưa thành niên là Lưu Thị Huyền C và Lưu Thị Ngọc H. Chị D chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên. Còn đối với con là Lưu Hữu P, do đã thành niên và khỏe mạnh bình thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*** Về phía bị đơn:** Tại biên bản Tòa án lấy khai anh Lưu Hữu B ngày 23/4/2025, anh B xác nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình năm 2003 và vợ chồng đã có với nhau ba con chung như chị D đã trình bày nêu trên. Anh B công nhận trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau cũng có phát sinh mâu thuẫn, do nhiều nguyên nhân. Nhưng anh B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nên không đồng ý ly hôn. Anh B đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Về con chung, do anh B không đồng ý ly hôn, nên vấn đề về nuôi con chung chưa đặt ra. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà hôm nay, anh Lưu Hữu B vắng mặt, không lý do.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án không chấp hành triệu tập của Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lưu Hữu B; Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Lưu Thị Huyền C, sinh ngày 20/10/2007 và Lưu Thị Ngọc H, sinh ngày 02/10/2019. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, chị D chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên không xét đến. Đối với con chung là Lưu Hữu P, sinh ngày 03/6/2004 (đã thành niên, khỏe mạnh bình thường), nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị D không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến; Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung chưa thành niên giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D với bị đơn là anh Lưu Hữu B; anh B cư trú tại xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Nhưng tại phiên họp, do vắng mặt bị đơn, nên nguyên đơn đã đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 28/5/2025, do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai. Nhưng tại phiên tòa lần thứ hai ngày 11/6/2025, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D với anh Lưu Hữu B là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 25/9/2003.

Nguyên nhân ly hôn, theo chị D trình bày do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống. Anh Bình thường hay uống rượu, gây sự, ghen tuông vô

có với chị D. Về phía anh B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng. Anh B đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng khi Tòa án triệu tập đến Tòa án để hòa giải thì anh B không đến.

Tòa án đã tiến hành xác minh thực trạng hôn nhân giữa chị D và anh B tại địa phương cho thấy: Trong thời gian gần đây, chị D và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh B thường xuyên uống rượu say, gây sự với vợ, con, gây bức xúc trong gia đình. Mặc dù, đã được gia đình khuyên bảo, góp ý nhiều lần, nhưng anh B vẫn không có gì thay đổi. Thực tế, chị D và anh B đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2024 đến nay.

Xét thấy, giữa chị D và anh B không còn có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh B có ba con chung là Lưu Hữu P, sinh ngày 03/6/2004, Lưu Thị Huyền C, sinh ngày 20/10/2007 và Lưu Thị Ngọc H, sinh ngày 02/10/2019. Khi ly hôn, chị D nhận trực tiếp nuôi hai con chưa thành niên là Lưu Thị Huyền C và Lưu Thị Ngọc H.

Xét thấy, từ khi chị D và anh B ly thân nhau, các con vẫn sinh sống cùng chị D, đời sống của các con vẫn được bảo đảm. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của những người con chưa thành niên là Lưu Thị Huyền C và Lưu Thị Ngọc H, cần giao hai con cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, đây là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, chị D chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là hoàn toàn tự nguyện, nên không xem xét đến.

Đối với con chung là Lưu Hữu P, do đã thành niên và khỏe mạnh bình thường, nên không xem xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án quyết, nên không xem xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét đến.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lưu Hữu B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lưu Hữu B.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Lưu Thị Huyền C, sinh ngày 20/10/2007 và Lưu Thị Ngọc H, sinh ngày 02/10/2019.

Chị Nguyễn Thị D chưa yêu cầu anh Lưu Hữu B cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên.

Anh Lưu Hữu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom hai con nêu trên, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối với con là Lưu Hữu P, sinh ngày 03/6/2004, đã thành niên và khỏe mạnh bình thường, nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền chị Nguyễn Thị D đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tại biên lai thu tiền số 0005100 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Anh Lưu Hữu B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- THADS huyện Lương Sơn;
- UBND xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn (ĐKKH ngày 25/9/2003);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Trần Văn Mạnh